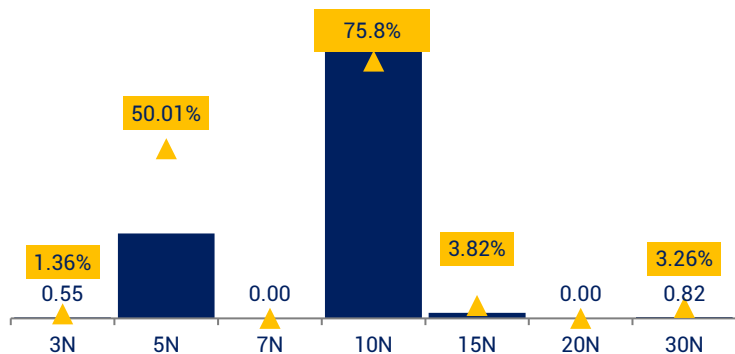
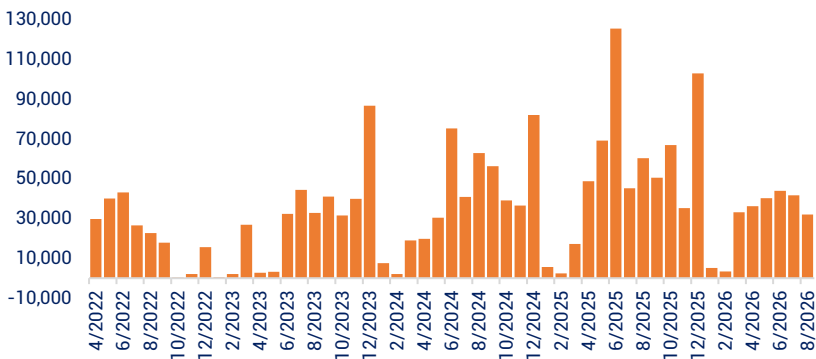


GTPH TPCP theo kỳ hạn (YTD)

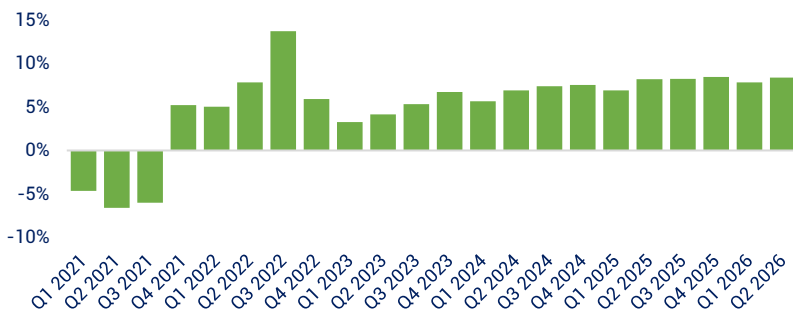
■ Phát hành (Nghìn tỷ VND) ▲ % thực hiện KH năm



Giá trị phát hành TPDN (tỷ VND)



Tăng trưởng GDP



THỊ TRƯỜNG SƠ CẤP TPCP

Trong tháng 8/2026, Kho bạc Nhà nước đã tổ chức 20 phiên đấu thầu trái phiếu Chính phủ với tổng giá trị gọi thầu (GTGT) là 60,000 tỷ đồng, tỷ lệ trúng thầu là 46.3%.

THỊ TRƯỜNG THỨ CẤP TPCP

Giá trị giao dịch thông thường (Outright) là 233,808 tỷ đồng (giảm 11.2% so với tháng trước) và giao dịch mua bán lại (Repo) là 109,759 tỷ đồng (giảm 8.9%). Lợi suất TPCP (theo phòng chào giá VBMA) tăng ở tất cả các kỳ hạn.

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP

Theo dữ liệu do VBMA tổng hợp từ HNX và SSC, tính đến ngày công bố thông tin 28/8/2026, trong tháng 8/2026 đã có 33 đợt phát hành trái phiếu với tổng giá trị 32,029 tỷ đồng. Trong đó, 25 đợt phát hành riêng lẻ đạt 25,629 tỷ đồng và 8 đợt phát hành ra công chúng đạt 6,400 tỷ đồng. Giá trị giao dịch TPDN riêng lẻ tại HNX đạt 129,013 tỷ đồng, bình quân đạt 6,450 tỷ/phiên.

KINH TẾ VĨ MÔ

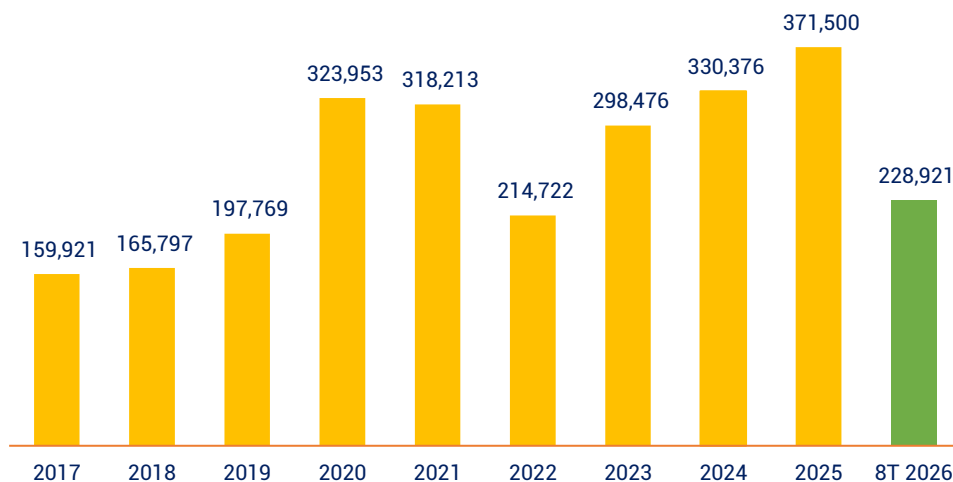
CPI tháng 8 tăng 4.89% so với cùng kỳ năm trước và tăng 0.47% so với tháng trước.

Tính đến cuối tháng 8 năm 2026, FDI đăng ký đạt 40.63 tỷ USD, tăng 55.4% so với cùng kỳ 2025, FDI giải ngân tăng 12.80% lên 17.25 tỷ USD. Giá trị giải ngân vốn đầu tư công từ đầu năm ước đạt 546,753 tỷ đồng, hoàn thành 53.3% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao cả năm (1,026,662 tỷ đồng).

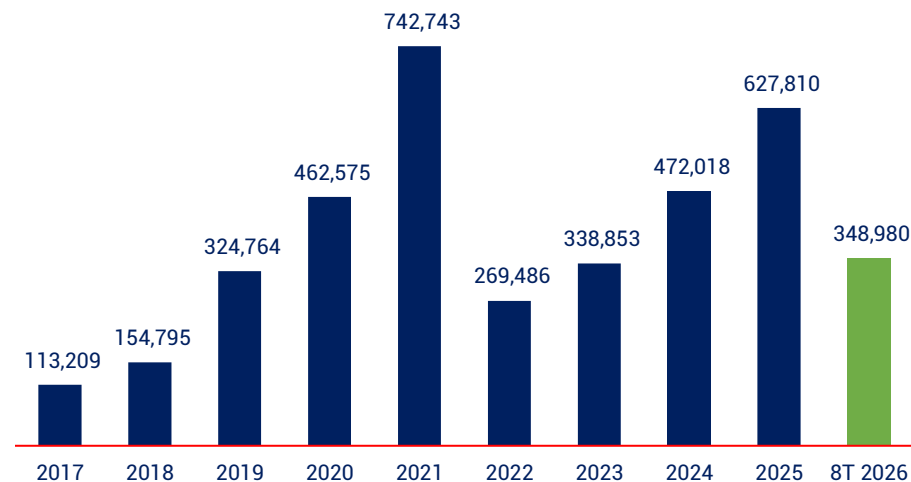
PMI ngành sản xuất Việt Nam tháng 8/2026 tăng từ 52.9 điểm lên 53.3 điểm.

Trong tháng 8, xuất khẩu hàng hoá ước đạt 54.80 tỷ USD, tăng 3.23% so với tháng trước; nhập khẩu ước đạt 54.90 tỷ USD, giảm 3.11% so với tháng trước. Cán cân thương mại tháng 8 nhập siêu 0.113 tỷ USD.

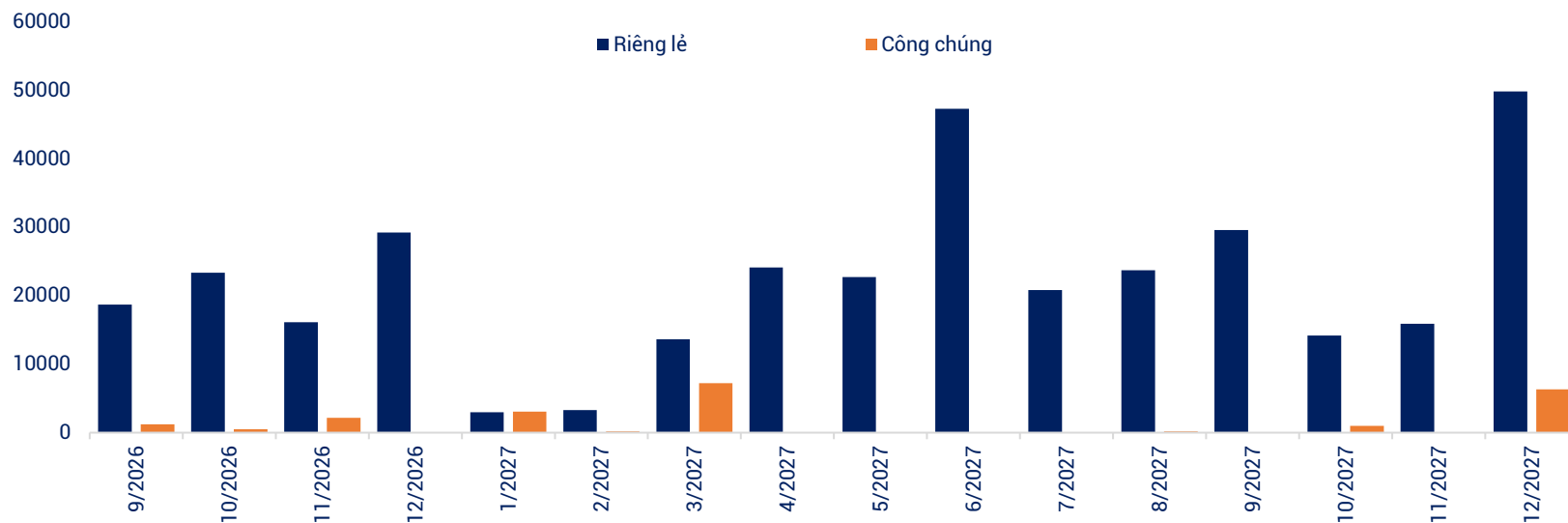
Giá trị phát hành trái phiếu Chính phủ (tỷ đồng)



Giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp (tỷ đồng)



Giá trị TPDN đáo hạn

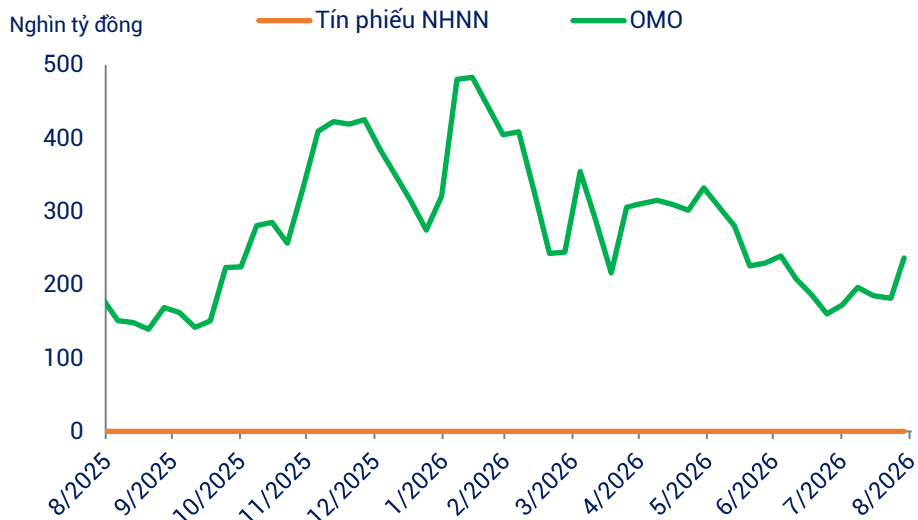


*Số liệu phát hành được tính đến hết ngày 28/08/2026 và có thể thay đổi theo việc công bố thông tin trên chuyên trang của HNX.

Lãi suất liên ngân hàng: Trong tháng 8/2026, lãi suất qua đêm biến động mạnh, có xu hướng giảm rõ rệt về cuối tháng, đạt đỉnh 6.32%/năm ngày 04/8 rồi giảm liên tục xuống mức thấp nhất 1.19%/năm trong hai phiên cuối tháng (27-28/8), phản ánh thanh khoản hệ thống ngân hàng bớt căng thẳng hơn. Các kỳ hạn 1 tuần và 6 tháng có xu hướng tăng, 1 tháng và 3 tháng giảm nhẹ, riêng kỳ hạn 9 tháng giảm khá mạnh từ 9.26%/năm xuống 8.12%/năm.

Nghiệp vụ thị trường mở: Trong tháng 8, NHNN tiếp tục không phát hành tín phiếu, đồng thời đẩy mạnh bơm thanh khoản qua kênh OMO với tổng giá trị mua GTCG đạt 232,138 tỷ đồng, tăng 120% so với tháng 7. Dù lượng OMO đáo hạn trong tháng lên tới 167,963 tỷ đồng, hoạt động phát hành mới vẫn đủ lớn để duy trì quy mô OMO lưu hành ở mức gần 237 nghìn tỷ đồng vào cuối tháng, cho thấy NHNN tiếp tục duy trì định hướng hỗ trợ thanh khoản cho hệ thống.

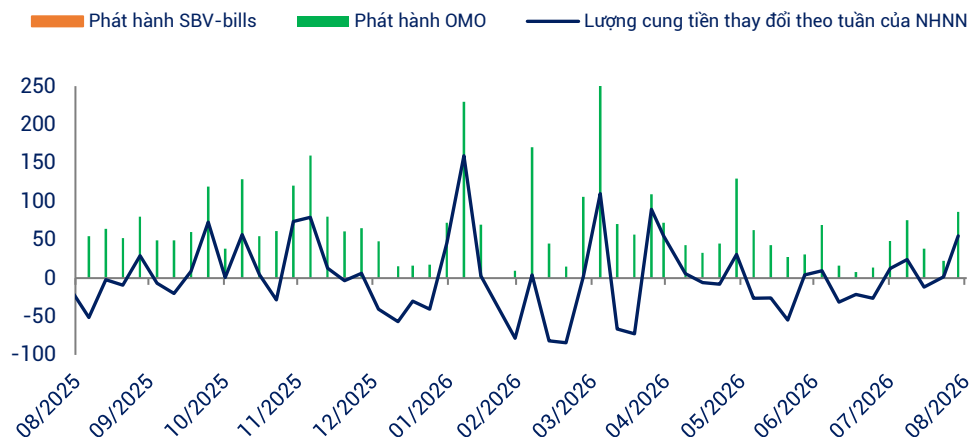
Giá trị lưu hành của Tín phiếu NHNN và OMO



Nguồn: SBV, VBMA

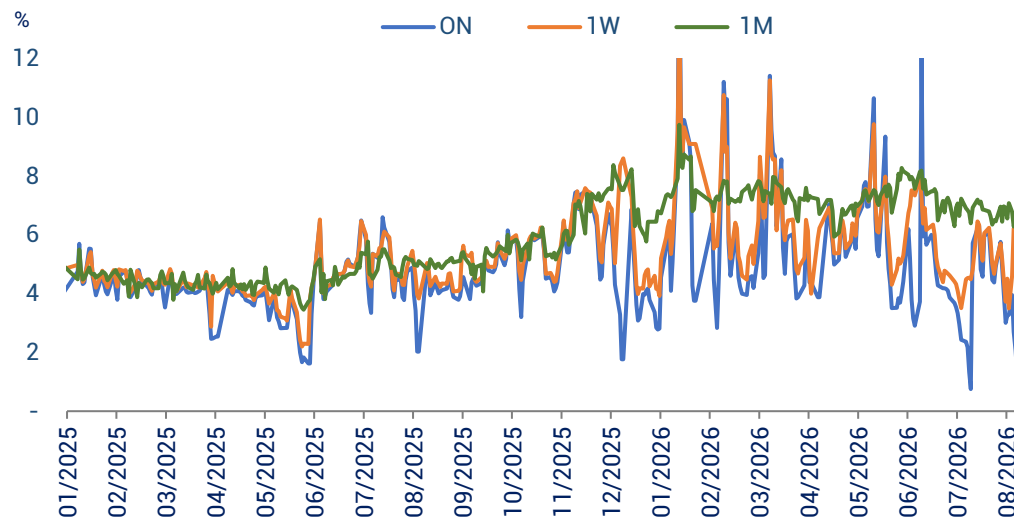
Ngành tỷ đồng

Đấu thầu Tín phiếu NHNN và OMO



Nguồn: SBV, VBMA

Bình quân lãi suất Liên ngân hàng



Nguồn: SBV, VBMA

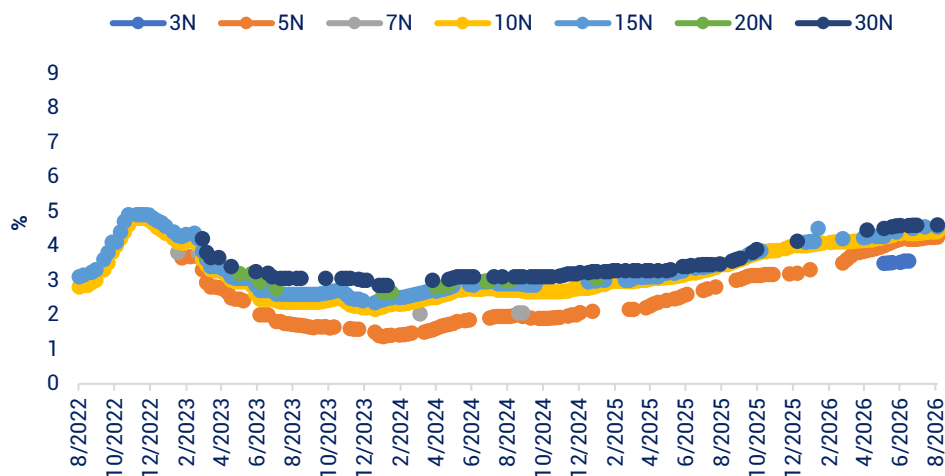
Trong tháng 8/2026, Kho bạc Nhà nước đã tổ chức 20 phiên đấu thầu trái phiếu Chính phủ với tổng giá trị gọi thầu (GTGT) là 60,000 tỷ đồng, tỷ lệ trúng thầu là 46.3%.

KBNN gọi thầu các kỳ hạn 3, 5, 10, 15, và 30 năm. Trong đó, kỳ hạn 5 năm chiếm 51.2% giá trị trúng thầu (GTTT) đạt 14,207 tỷ đồng (tỷ lệ trúng thầu/gọi thầu đạt 61.8%). Kỳ hạn 10 năm trúng thầu 12,950 tỷ đồng (tỷ lệ trúng thầu/gọi thầu đạt 44.7%), kỳ hạn 15 năm trúng thầu 550 tỷ đồng (tỷ lệ 13.8%) và kỳ hạn 30 năm trúng thầu 50 tỷ đồng (tỷ lệ 2.5%). Kỳ hạn 3 năm không trúng thầu.

Kỳ hạn phát hành bình quân tháng 8 là 7.58 năm. Lãi suất trúng thầu trung bình đạt 4.32%/năm, tăng so với mức 4.27% trong tháng 7/2026.

Tổng giá trị TPCP phát hành thông qua đấu thầu trong 8 tháng đầu năm 2026 là 228,921 tỷ đồng, đạt 45.8% kế hoạch cả năm (500,000 tỷ đồng). Trong đó, giá trị TPCP phát hành trong Quý III đạt 38.6% kế hoạch quý (120,000 tỷ đồng).

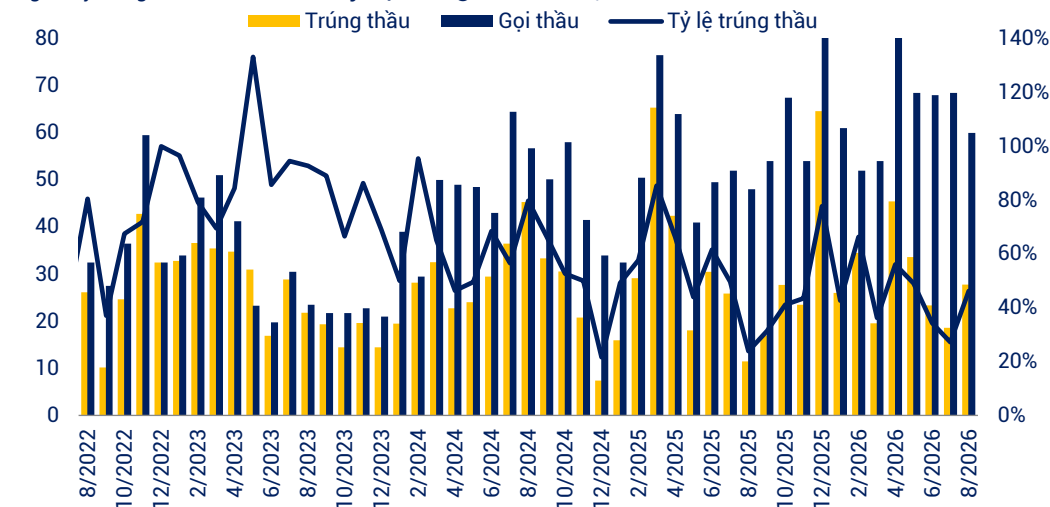
Diễn biến lãi suất trúng thầu



Nguồn: HNX, VBMA

Nghìn tỷ đồng

Tỷ Lệ Trúng Thầu và Đặt Thầu TPCP

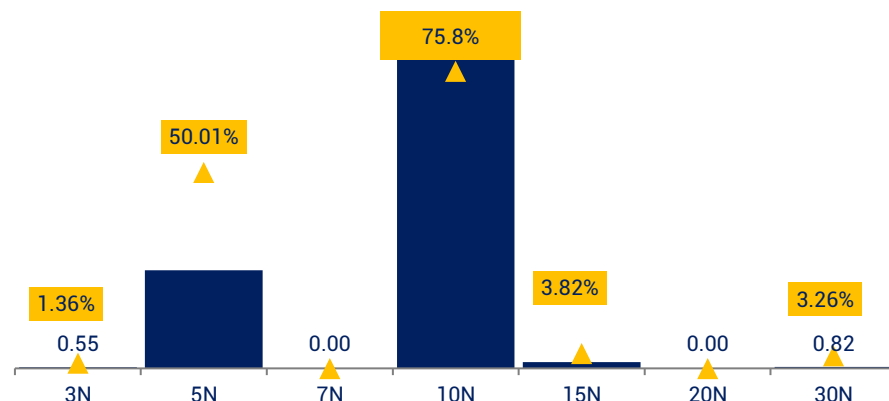


Nguồn: HNX, VBMA

GTPH TPCP theo kỳ hạn (YTD)

Tỷ đồng

■ Phát hành (Nghìn tỷ VND) ▲ % thực hiện KH năm



Nguồn: HNX, VBMA

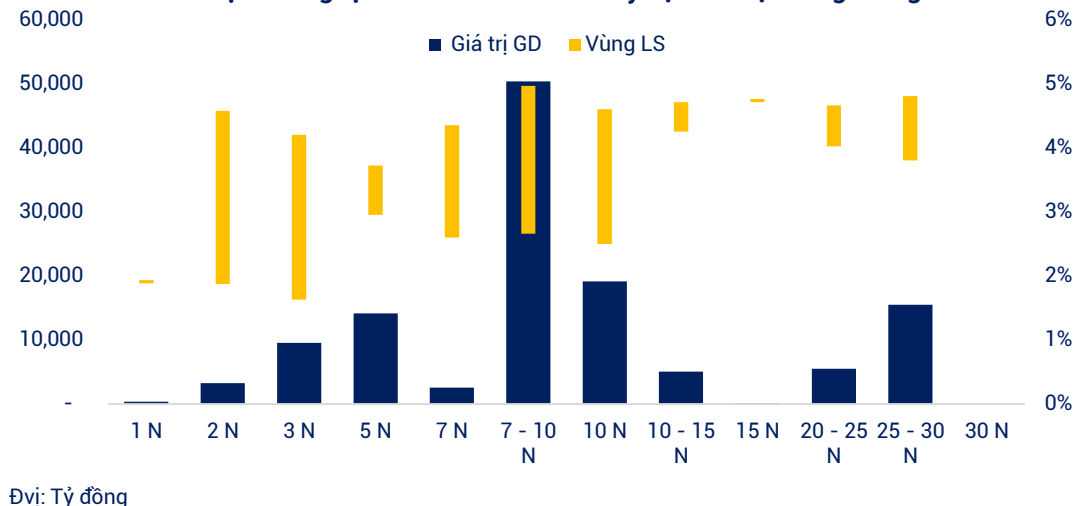
Giá trị giao dịch thông thường (Outright) là 233,808 tỷ đồng (giảm 11.2% so với tháng trước) và giao dịch mua bán lại (Repo) là 109,759 tỷ đồng (giảm 8.9% so với tháng trước).

Thanh khoản trung bình/ngày của giao dịch Outright ở mức 11,690 tỷ đồng và của giao dịch Repo là 5,488 tỷ đồng, lần lượt giảm 11.2% và 8.9% so với cùng kỳ tháng trước.

Trái phiếu kỳ hạn 10 năm, 15 năm và 30 năm chiếm phần lớn giá trị giao dịch trên thị trường thứ cấp, lần lượt là 37%, 15% và 36% trên tổng số 233,808 tỷ đồng.

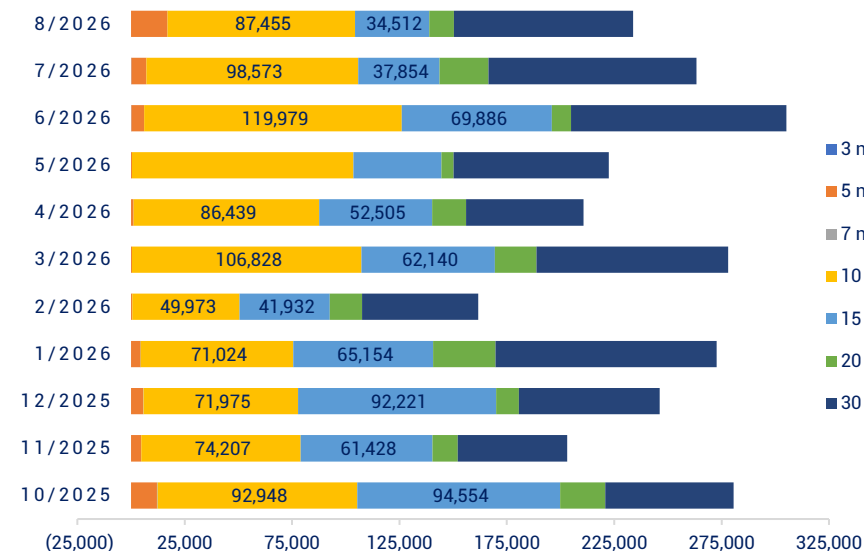
Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng 395 tỷ đồng TPCP trong tháng 8/2026, đưa lượng bán ròng của khối ngoại năm 2026 xuống 5,081 tỷ đồng.

Giá trị và vùng lợi suất GD TPCP theo kỳ hạn còn lại trong tháng



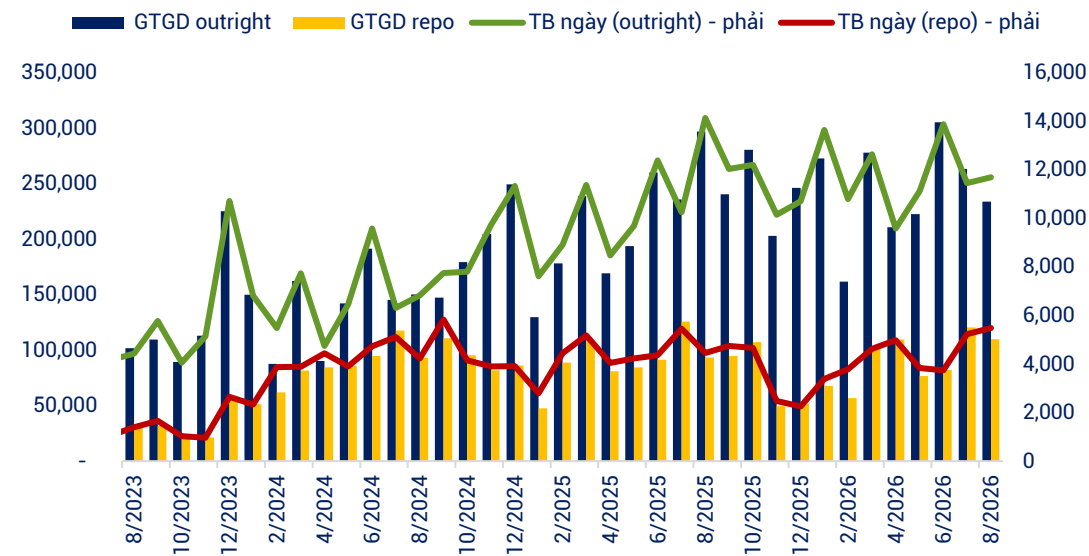
Nguồn: HNX, VBMA

Giá trị giao dịch theo kỳ hạn



Nguồn: HNX, VBMA

Diễn biến GD Outright và Repo theo tháng



Nguồn: HNX, VBMA

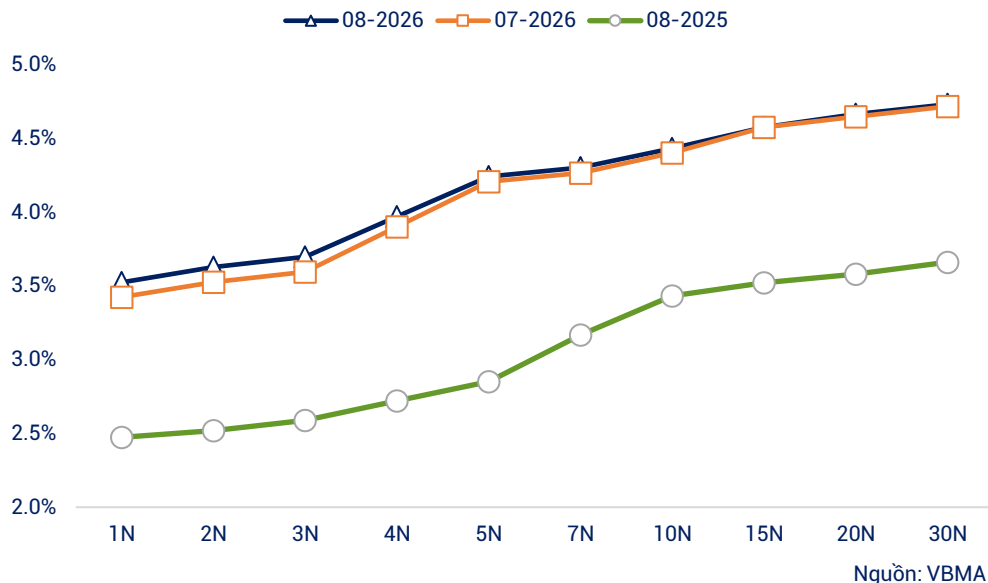
Lợi suất TPCP Việt Nam (theo phòng chào giá VBMA) tiếp tục tăng nhẹ trong tháng 8, song đã tăng có sự phân hóa rõ giữa các kỳ hạn.

Áp lực chủ yếu tập trung ở đầu đường cong khi lợi suất 1 đến 3 năm tăng khoảng 10 điểm cơ bản, trong khi kỳ hạn 10 năm chỉ tăng 3 điểm cơ bản, đóng cửa tháng ở mức 4.433%/năm và các kỳ hạn dài gần như đi ngang.

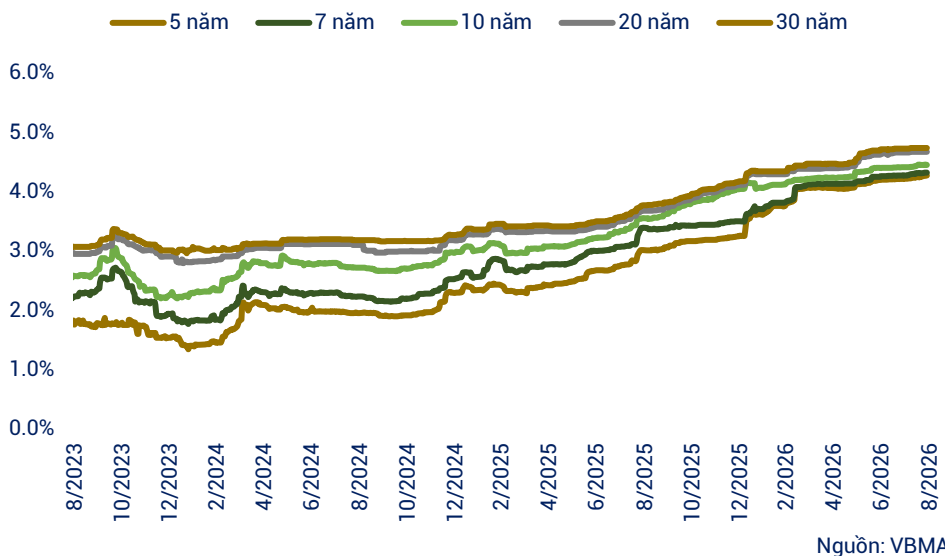
Diễn biến này khiến đường cong lợi suất tiếp tục phẳng hóa nhẹ, với chênh lệch 30 năm và 1 năm thu hẹp từ 129.2 xuống 120.7 điểm cơ bản. Điều này cho thấy áp lực tăng lợi suất hiện chủ yếu đến từ mặt bằng lãi suất ngắn hạn, trong khi kỳ vọng đối với lãi suất dài hạn vẫn tương đối ổn định.

Chênh lệch lợi suất TPCP Việt Nam - Mỹ tiếp tục âm trên toàn bộ các kỳ hạn trong tháng 8/2026. Tại kỳ hạn 10 năm, chênh lệch thu hẹp từ -0,34% cuối tháng 7 xuống mức thấp nhất -0,19% vào ngày 25/8, trước khi nở rộng lên -0,28% vào cuối tháng. Diễn biến tương tự cũng xuất hiện ở các kỳ hạn dài 20 và 30 năm, trong khi chênh lệch tại nhóm kỳ hạn ngắn 1 đến 3 năm tương đối ổn định.

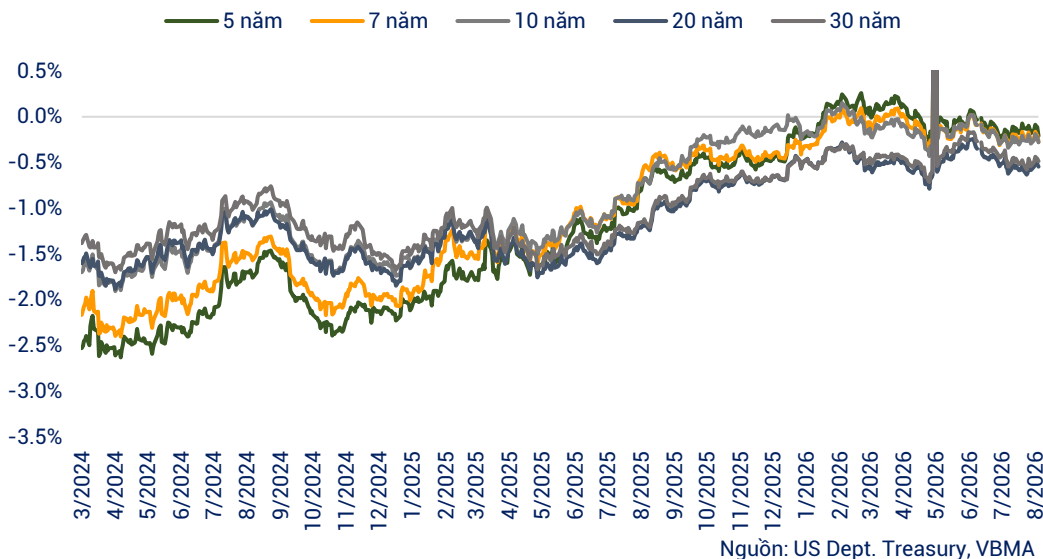
Biến động lợi suất



Diễn biến lợi suất TPCP - TT thứ cấp



Chênh lệch lợi suất Việt Nam - Mỹ



Trái phiếu doanh nghiệp phát hành trong năm 2026:

Theo dữ liệu do VBMA tổng hợp từ HNX và SSC, tính đến ngày công bố thông tin 28/8/2026, trong tháng 8/2026 đã có 33 đợt phát hành trái phiếu với tổng giá trị 32,029 tỷ đồng. Trong đó, 25 đợt phát hành riêng lẻ đạt 25,629 tỷ đồng và 8 đợt phát hành ra công chúng đạt 6,400 tỷ đồng. Trong 8 tháng đầu năm 2026, tổng giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp đạt 348,980 tỷ đồng, trong đó 295,942 tỷ đồng được phát hành riêng lẻ và 53,038 tỷ đồng được phát hành ra công chúng.

Trong tháng 8, các doanh nghiệp đã mua lại 18,914 tỷ đồng trái phiếu trước hạn, giảm 60% so với cùng kỳ năm 2025. Trong 4 tháng còn lại của năm 2026, giá trị đáo hạn ước tính là 91,236 tỷ đồng. Về tình hình công bố thông tin bất thường, có 2 mã trái phiếu chậm trả lãi, gốc phát sinh mới trị giá 2,522 tỷ gốc và 91.1 tỷ lãi.

Trên thị trường thứ cấp, tổng giá trị giao dịch TPDN riêng lẻ trong tháng 8/2026 đạt 129,013 tỷ đồng, bình quân đạt 6,450 tỷ đồng/phiên, giảm 12% so với bình quân tháng 7/2026.

**Dữ liệu do VBMA tổng hợp được ghi nhận theo ngày phát hành trái phiếu và ngày thực hiện mua lại từ chuyên trang của HNX. Dữ liệu trên có thể được thay đổi theo việc công bố thông tin trên chuyên trang của HNX. Dữ liệu trong báo cáo được cập nhật đến hết ngày công bố thông tin 28/08/2026.*

Kế hoạch phát hành sắp tới

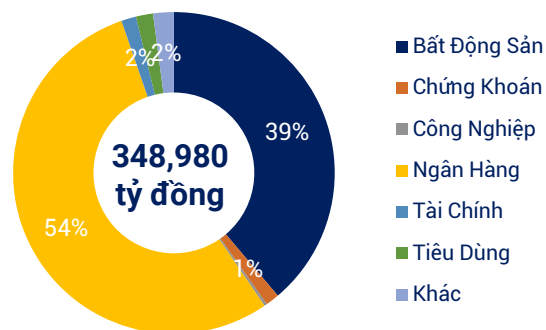
CTCP Chứng khoán Dầu Khí (PSI)

HĐQT CTCP Chứng khoán Dầu Khí (PSI) đã thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ trong năm 2026 với tổng giá trị tối đa 30 tỷ đồng. Đây là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có TSĐB và mệnh giá dự kiến 100 triệu đồng. Trái phiếu có kỳ hạn 2 năm với mức lãi suất cố định 9.95%/năm.

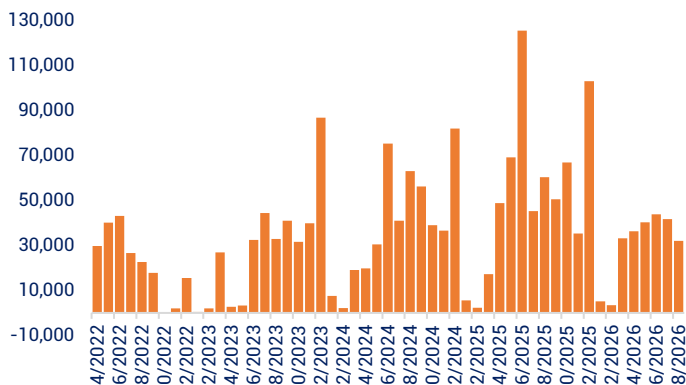
CTCP Chứng khoán LPBank (LPS)

HĐQT CTCP Chứng khoán LPBank (LPS) đã thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ trong năm 2026 với tổng giá trị tối đa 1,000 tỷ đồng. Đây là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có TSĐB và mệnh giá dự kiến 100 triệu đồng/trái phiếu. Trái phiếu có kỳ hạn 1 năm.

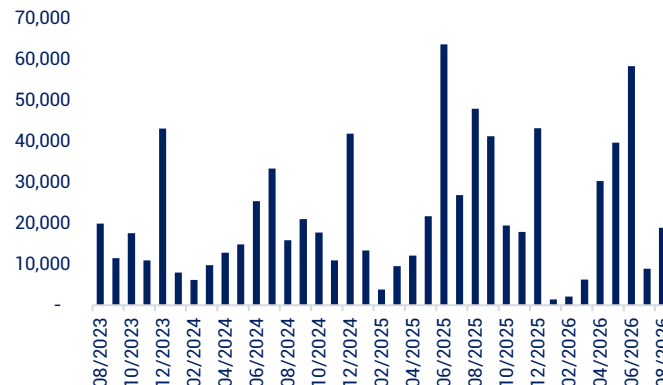
Giá trị phát hành theo nhóm ngành 2026



Giá trị phát hành TPDN (tỷ VND)

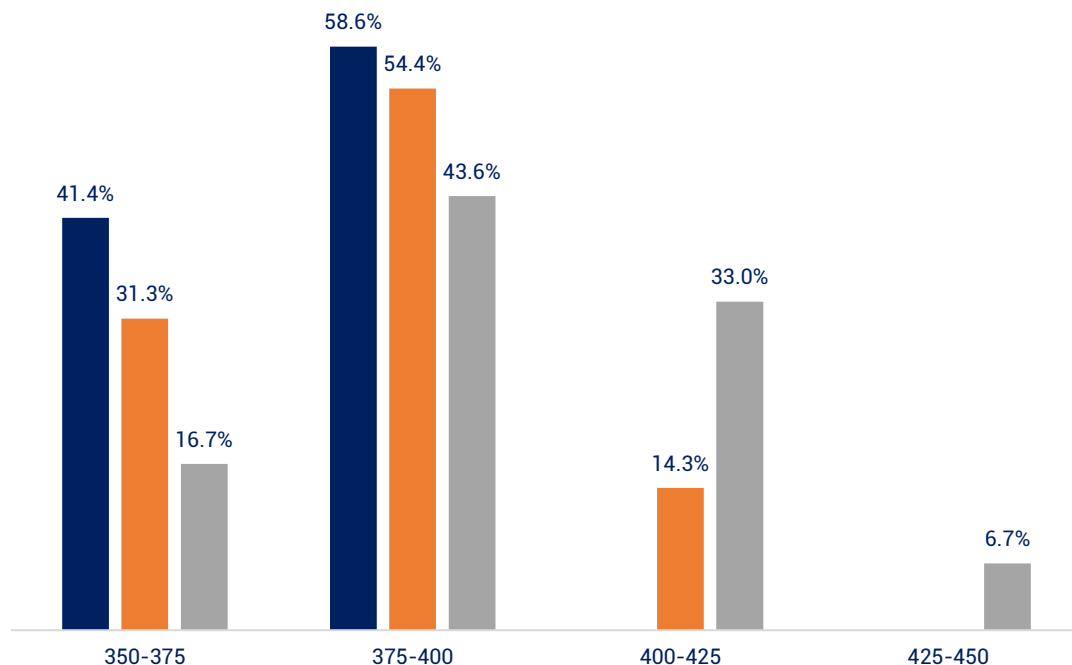


Giá trị mua lại TPDN



Kỳ vọng thị trường về lãi suất Fed

■ Cuộc họp tháng 9/2026 ■ Cuộc họp tháng 10/2026 ■ Cuộc họp tháng 12/2026



Nguồn: CME

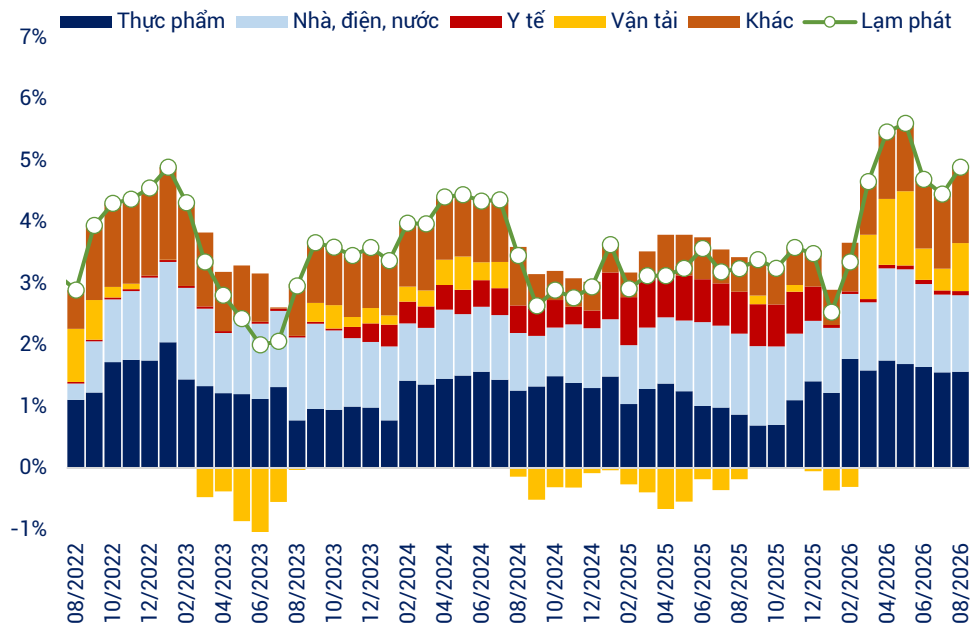
Tại Hội nghị chuyên đề Jackson Hole ngày 28/8, tân Chủ tịch Fed Kevin Warsh có bài phát biểu đầu tiên trên cương vị Chủ tịch, đưa ra thông điệp điều hòa hơn về lạm phát dù không cam kết cụ thể về lộ trình lãi suất. Theo CME FedWatch, xác suất Fed tăng lãi suất tại cuộc họp tháng 9 tăng lên khoảng 60.4% sau bài phát biểu, so với khoảng 56% trước đó.

Tương tự, ECB không tổ chức cuộc họp trong tháng 8 (cuộc họp tiếp theo vào 10/9), lãi suất tiền gửi vẫn giữ ở mức 2.25% theo quyết định giữ nguyên hồi tháng 7. Lạm phát Eurozone tăng lên 3.3% trong tháng 8 (từ 2.9% trong tháng 7), mức cao nhất kể từ tháng 9/2023, chủ yếu do giá năng lượng tăng mạnh trong bối cảnh xung đột Trung Đông tiếp diễn.

BOJ cũng không có cuộc họp trong tháng 8 (cuộc họp tiếp theo vào 17-18/9), song Thống đốc Ueda phát tín hiệu khả năng tăng lãi suất tại cuộc họp tháng 9 trong bối cảnh đồng yên yếu và áp lực giá cả từ xung đột Trung Đông, khiến thị trường gần như đã phản ánh đầy đủ khả năng này vào giá.

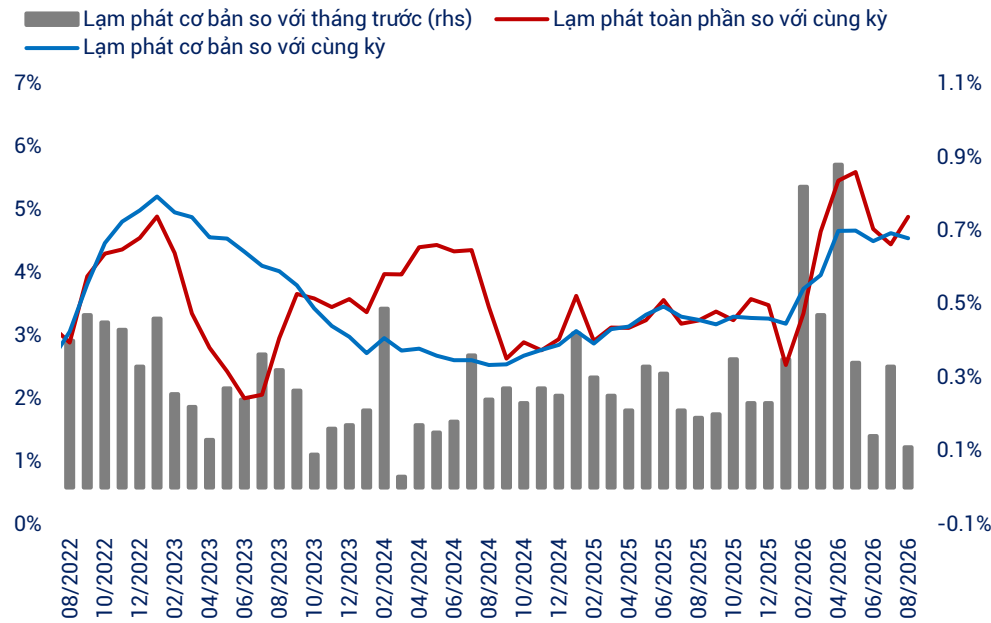
Chỉ số DXY giảm khoảng 0.5% trong tháng 8, đóng cửa quanh mức 99.43 vào cuối tháng, sau khi có thời điểm giảm sâu hơn giữa tháng do kỳ vọng Fed tăng lãi suất suy yếu, trước khi phục hồi phần nào vào cuối tháng nhờ phát biểu điều hòa của Chủ tịch Warsh tại Jackson Hole.

Đóng góp vào lạm phát toàn phần



Nguồn: NSO

Lạm phát cơ bản và lạm phát toàn phần



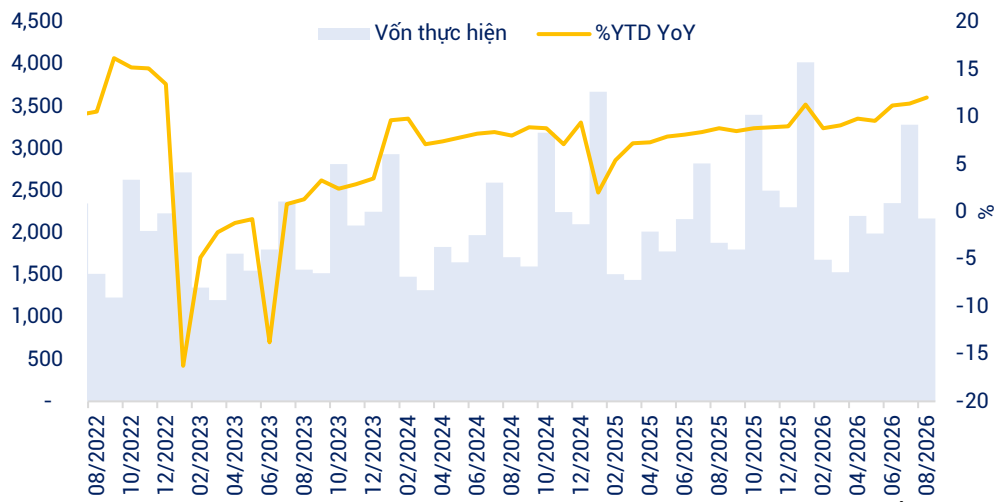
Nguồn: NSO

Theo GSO, CPI tháng 8/2026 tăng nhẹ 0.12% so với tháng trước, tăng 4.89% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 7 tháng, CPI tăng 4.45% so với cùng kỳ – vẫn nằm trong ngưỡng mục tiêu khoảng 4.5% của Chính phủ.

Đà tăng tháng 8 chủ yếu do giá xăng dầu trong nước điều chỉnh tăng theo giá thế giới (xăng tăng 9.53%, dầu diesel tăng 22.15%), kéo nhóm giao thông tăng 4.09%; nhóm giáo dục cũng tăng 0.47% do một số cơ sở điều chỉnh học phí năm học 2026-2027. Chiều ngược lại, nguồn cung dồi dào giúp nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0.03%, phần nào bù trừ cho mức tăng chung.

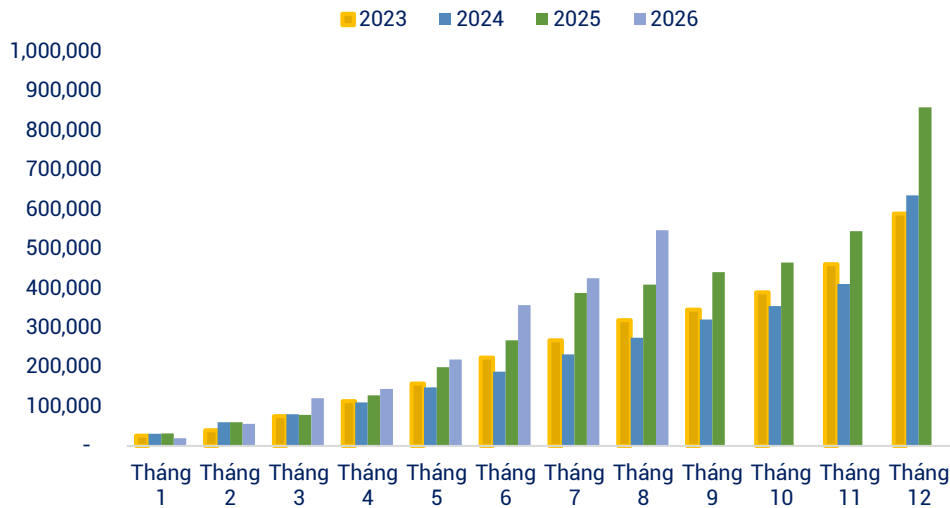
Đáng chú ý, lạm phát cơ bản bình quân 8 tháng chỉ tăng 4.24%, thấp hơn CPI bình quân chung (4.45%), phản ánh áp lực giá hiện nay nghiêng nhiều về yếu tố năng lượng và mùa vụ hơn là sức cầu tiêu dùng trong nước.

FDI giải ngân (triệu USD)



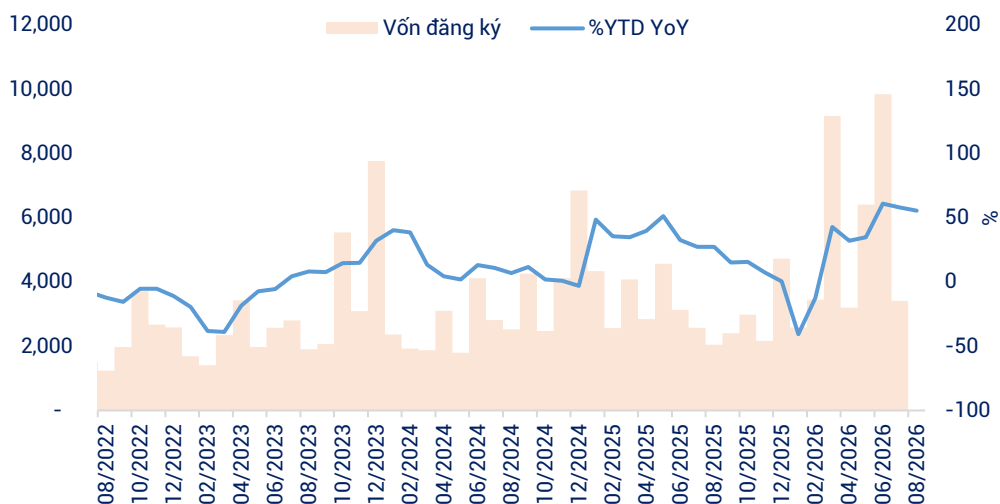
Nguồn: MOF

Giá trị giải ngân vốn đầu tư công lũy kế



Nguồn: MOF

FDI đăng ký (triệu USD)



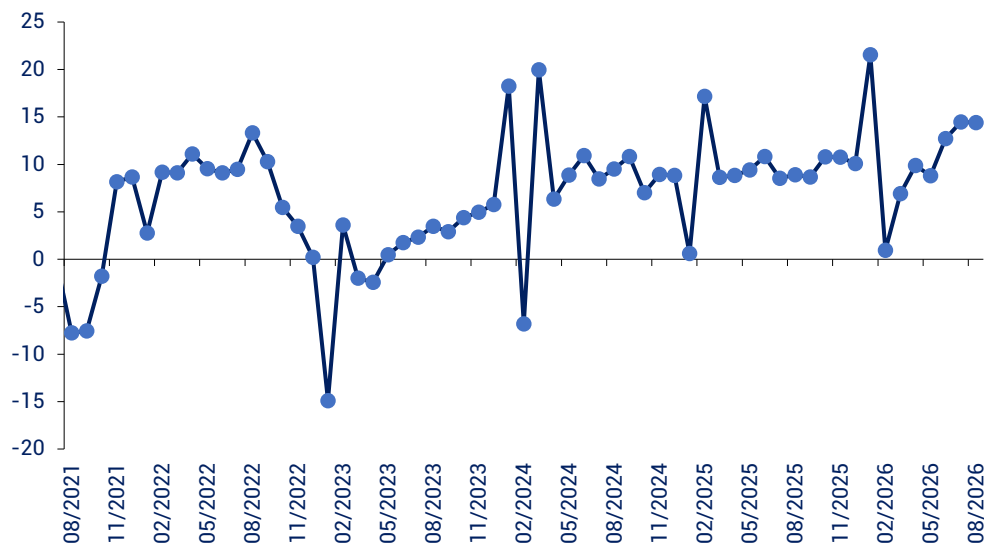
Nguồn: MOF

Tính đến cuối tháng 8 năm 2026, FDI đăng ký đạt 40.63 tỷ USD, tăng 55.4% so với cùng kỳ 2025, FDI giải ngân tăng 12% lên 17.25 tỷ USD.

Trong tổng số vốn FDI đăng ký cấp mới 8 tháng đầu năm, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 12.15 tỷ USD (chiếm 55.9% tổng vốn đăng ký cấp mới); sản xuất, phân phối điện, khí, nước, điều hòa đạt 3.13 tỷ USD (chiếm 14.4%); các ngành còn lại đạt 6.44 tỷ USD (chiếm 29.7%).

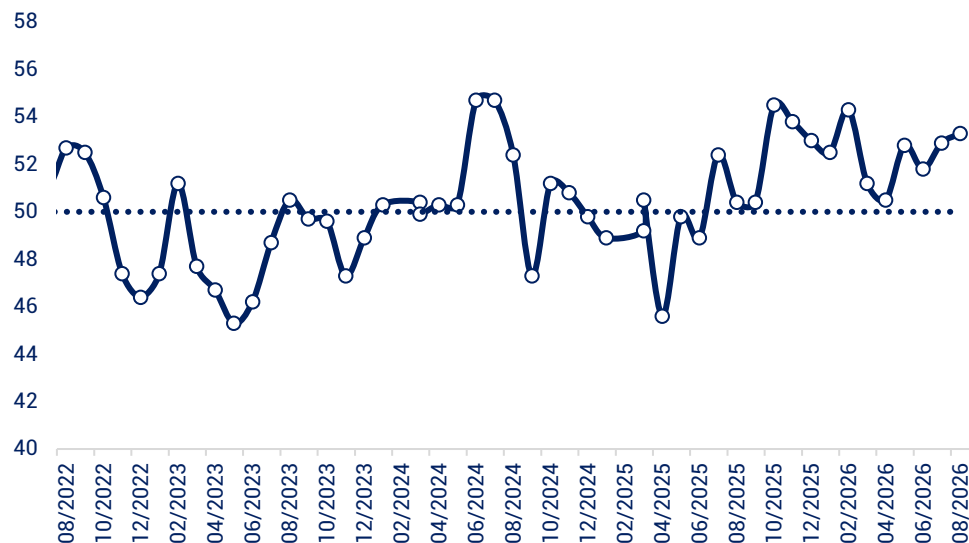
Giá trị giải ngân vốn đầu tư công từ đầu năm ước đạt 546,753 tỷ đồng, hoàn thành 53.3% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao cả năm (1,026,662 tỷ đồng).

Tăng trưởng chỉ số sản xuất công nghiệp toàn ngành (%)



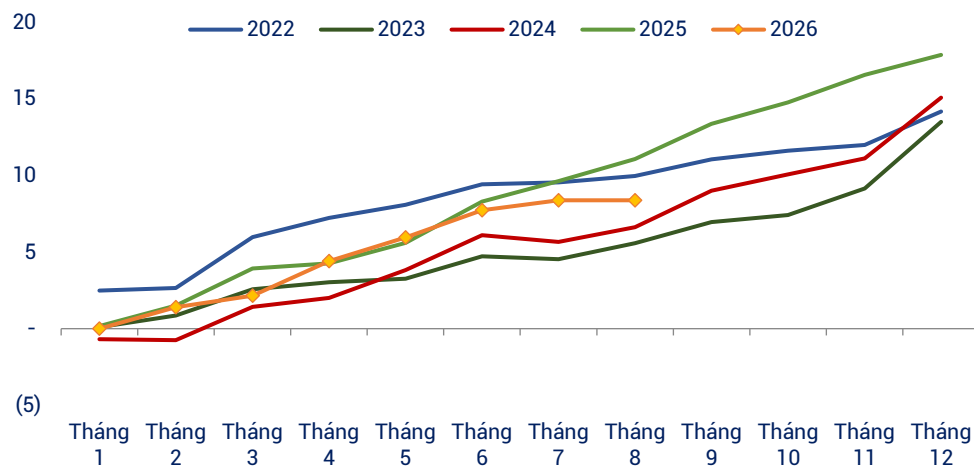
Nguồn: NSO

PMI sản xuất



Nguồn: IHS Markit

Tăng trưởng tín dụng qua các năm



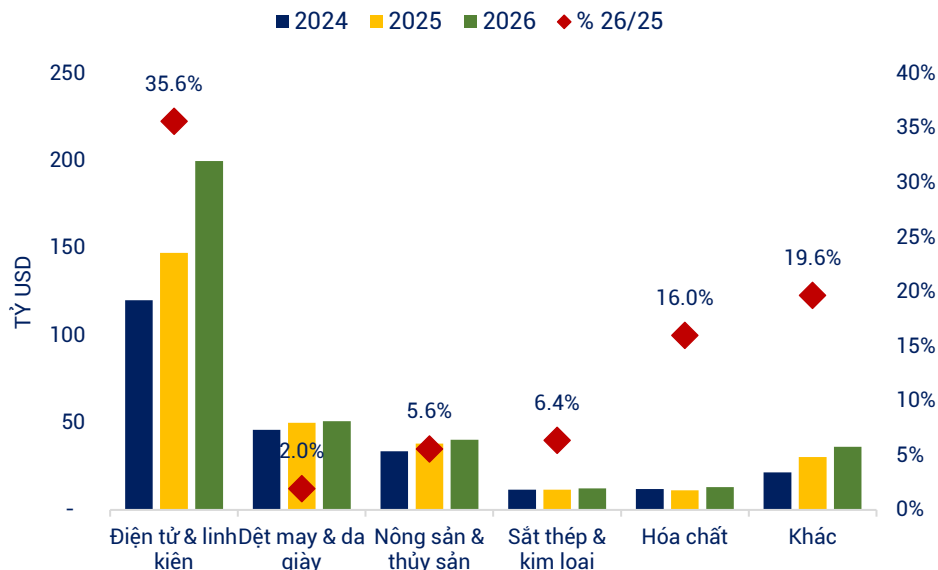
Nguồn: SBV, NSO

PMI ngành sản xuất Việt Nam tháng 8/2026 tăng lên 53.3 điểm từ mức 52.9 điểm của tháng 7, đánh dấu tháng thứ 14 liên tiếp điều kiện kinh doanh được cải thiện và là mức tăng mạnh nhất kể từ tháng 2/2026. Theo S&P Global, sản lượng tăng với tốc độ nhanh nhất trong hơn hai năm và số lượng đơn đặt hàng mới tăng mạnh nhất kể từ tháng 10/2025, trong khi đơn hàng xuất khẩu giảm nhẹ sau ba tháng tăng liên tiếp và việc làm giảm tháng thứ năm trong sáu tháng, dù áp lực chi phí đầu vào tiếp tục hạ nhiệt.

Sản xuất công nghiệp tháng 8 tăng 14.4% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng đầu năm, IIP tăng 11.79% so với cùng kỳ – mức cao nhất trong nhiều năm qua, trong đó chế biến, chế tạo tăng 14.59%, sản xuất và phân phối điện tăng 11.79% và cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 9.54%.

Tăng trưởng dư nợ tín dụng toàn nền kinh tế tính đến ngày 22/8 đạt 8.38% so với cuối năm 2025.

Kim ngạch xuất khẩu lũy kế

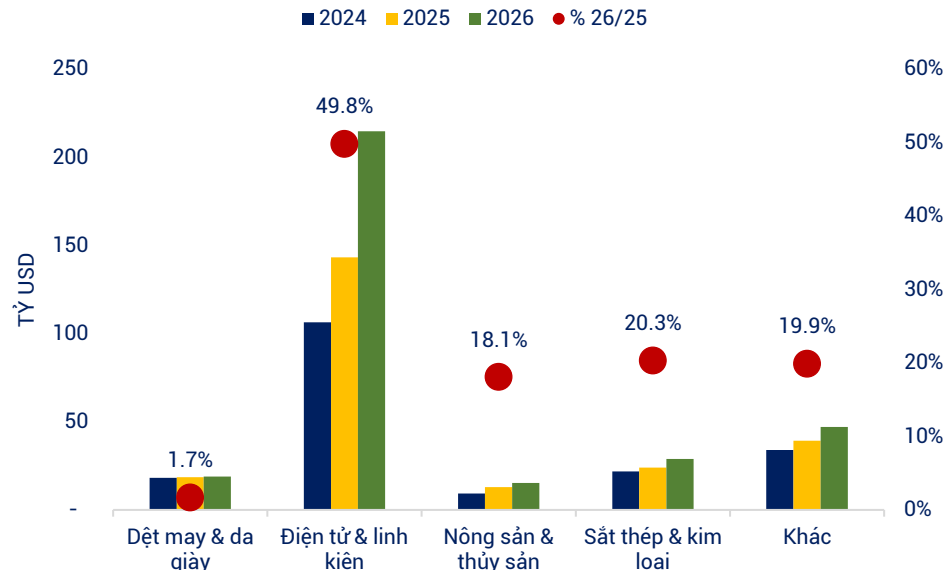


Nguồn: NSO

Trong tháng 8, xuất khẩu hàng hoá ước đạt 54.795 tỷ USD, tăng 3.23% so với tháng trước; nhập khẩu ước đạt 54.908 tỷ USD, giảm 3.11% so với tháng trước. Cán cân thương mại tháng 8 nhập siêu 0.113 tỷ USD.

Tính chung 8 tháng năm 2026, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 770.135 tỷ USD, tăng 28.7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 22.4% và nhập khẩu tăng 35.3%. Cán cân thương mại 8 tháng nhập siêu 20.46 tỷ USD. Về thị trường, Hoa Kỳ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch 8 tháng đạt 122.0 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất với kim ngạch 8 tháng đạt 161.9 tỷ USD.

Kim ngạch nhập khẩu lũy kế



Nguồn: NSO

8 tháng năm 2026	Giá trị (tỷ USD)	So với cùng kỳ
Tổng kim ngạch XNK	770.135	+28.7%
Xuất khẩu	374.837	+22.4%
Nhập khẩu	395.298	+35.3%
Cán cân thương mại	-20.462	

THỊ TRƯỜNG SƠ CẤP

Trái phiếu chính phủ	T8/2026	T7/2026	T8/2025	%MoM	%YoY	8T 2026	8T 2025	%YoY	% KH Năm
Kỳ hạn 3 năm	0	190	0	-100.00%	-	545	0	-	-
Kỳ hạn 5 năm	14,207	8,550	350	66.16%	3959.00%	50,012	24,750	102.1%	50.0%
Kỳ hạn 7 năm	0	0	0	-	-	0	0	-	0.0%
Kỳ hạn 10 năm	12,950	9,409	9,950	37.63%	30.15%	174,300	199,417	-12.6%	75.8%
Kỳ hạn 15 năm	550	175	1,105	214.29%	-50.20%	3,250	11,150	-70.9%	3.8%
Kỳ hạn 20 năm	0	0	0	-	-	0	500	-100.0%	0.0%
Kỳ hạn 30 năm	50	280	60	-82.14%	-16.67%	815	2,898	-71.9%	3.3%
Tổng TPCP	27,757	18,604	11,465	49.20%	142.11%	228,921	238,714	-4.1%	45.8%
Trái phiếu doanh nghiệp	T8/2026	T7/2026	T8/2025	%MoM	%YoY	8T 2026	8T 2025	%YoY	
Riêng lẻ	25,629	21,379	54,030	20%	-53%	295,942	524,487	-44%	
Công chúng	6,400	20,305	6,332	-68%	1%	53,038	54,855	-3%	
Tổng TPDN	32,029	41,684	60,362	-23%	-47%	348,980	579,341	-40%	

THỊ TRƯỜNG THỨ CẤP

Trái phiếu chính phủ	T8/2026	T7/2026	T8/2025	%MoM	%YoY	8T 2026	8T 2025	%YoY	
Outright	233,808	263,324	296,861	-11.2%	-21.2%	1,689,058	1,752,111	-3.6%	
Repo	109,758	120,456	93,501	-8.9%	17.4%	602,491	586,234	2.8%	
Tổng TPCP	343,566	383,780	390,362	-10.5%	-12.0%	2,291,550	1,658,120	38.2%	
Trái phiếu doanh nghiệp	T8/2026	T7/2026	T8/2025	%MoM	%YoY	8T 2026	8T 2025	%YoY	
	129,013	168,482	109,311	-23.43%	18.0%	1,046,416	858,739	21.9%	

TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH TRONG THÁNG 8/2026

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	NGÀNH	GTPH (tỷ đồng)	MÃ TP	PHƯƠNG THỨC PH	NGÀY PHÁT HÀNH	LÃI SUẤT	KỶ HẠN (năm)
NHTMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG	NGÂN HÀNG	1600	VPB12606	RIÊNG LẺ	05/08/2026	8.8%/NĂM	3
NHTMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	2000	VCB12606	RIÊNG LẺ	06/08/2026	BQLSTKCN 12T VNĐ (VCB, BIDV, CTG, AGRIBANK) + 2.1%/NĂM; TRƯỜNG HỢP KHÔNG MUA LẠI: + 3.3%/NĂM (TỪ NĂM THỨ 06)	10
NHTMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	150	BID12615	RIÊNG LẺ	05/08/2026	8%/NĂM	14
NHTMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	50	BID12614	RIÊNG LẺ	05/08/2026	BQLSTKCN 24T VNĐ (AGRIBANK, CTG, VCB, BIDV) + 2.2%/NĂM; TRƯỜNG HỢP KHÔNG MUA LẠI: + 7.2%/NĂM (TỪ KỶ THỨ 06)	6
NHTMCP QUỐC TẾ VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	3000	VIB12601	RIÊNG LẺ	04/08/2026	9%/NĂM	3
CTCP VINHOMES	BẤT ĐỘNG SẢN	2000	VHM12615	RIÊNG LẺ	06/08/2026	02 KỶ ĐẦU: 12.5%/NĂM CÁC KỶ SAU: LSTC + 2.0%/NĂM (TỐI THIỂU 12.5%/NĂM)	3
NHTMCP TIỀN PHONG	NGÂN HÀNG	2000	TPB12607	RIÊNG LẺ	03/08/2026	9.1%/NĂM	3
NHTMCP VIỆT Á	NGÂN HÀNG	600	TPVAB263301	CÔNG CHỨNG	06/08/2026	BQLSTKCN 12T VNĐ (BIDV, CTG, AGRIBANK, VCB) + 3,5%/NĂM	7
NHTMCP PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	NGÂN HÀNG	1000	HDBL12610	RIÊNG LẺ	17/08/2026	8.9%/NĂM	3
NHTMCP QUÂN ĐỘI	NGÂN HÀNG	200	MBBL12622	RIÊNG LẺ	14/08/2026	8.5%/NĂM	5
NHTMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	500	VCBL12608	RIÊNG LẺ	17/08/2026	BQLSTKCN 12T VNĐ (VCB, BIDV, CTG, AGRIBANK) + 1.97%/NĂM; TRƯỜNG HỢP KHÔNG MUA LẠI: + 2.6%/NĂM (02 NĂM CUỐI)	7

TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH TRONG THÁNG 8/2026

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	NGÀNH	GTPH (tỷ đồng)	MÃ TP	PHƯƠNG THỨC PH	NGÀY PHÁT HÀNH	LÃI SUẤT	KỶ HẠN (năm)
NHTMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	100	BIDL12616	RIÊNG LẺ	10/08/2026	BQLSTKCN 24T VNĐ (AGRIBANK, CTG, VCB, BIDV) + 2.2%/NĂM; TRƯỜNG HỢP KHÔNG MUA LẠI: + 7.2%/NĂM (TỪ KỶ THỨ 06)	6
NHTMCP QUỐC TẾ VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	2000	VIBL12602	RIÊNG LẺ	11/08/2026	9.0%/NĂM	3
CTCP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI	CHỨNG KHOÁN	456	SHSL12602	RIÊNG LẺ	14/08/2026	10.5%/NĂM	1
CTCP TANDOLAND	BẤT ĐỘNG SẢN	258	TDRL12603	RIÊNG LẺ	13/08/2026	02 KỶ ĐẦU: 13.0%/NĂM CÁC KỶ SAU: LSTC + 5.1%/NĂM	5
NHTMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	150	VCBL12607	RIÊNG LẺ	10/08/2026	8.0%/NĂM	5
CT TNHH MML FARM NGHỆ AN	NGÂN HÀNG	500	FNACPO2631001	CÔNG CHỨNG	13/08/2026	02 KỶ ĐẦU: 9.0%/NĂM CÁC KỶ SAU: BQLSTKCN 12T VNĐ (BIDV, VCB, CTG, AGRIBANK) + 3,2%/NĂM	5
CT TNHH MML FARM NGHỆ AN	NGÂN HÀNG	700	FNACPO2631002	CÔNG CHỨNG	13/08/2026	02 KỶ ĐẦU: 9.0%/NĂM CÁC KỶ SAU: BQLSTKCN 12T VNĐ (BIDV, VCB, CTG, AGRIBANK) + 3,2%/NĂM	5
CTCP VINHOMES	BẤT ĐỘNG SẢN	1000	VHML12616	RIÊNG LẺ	27/08/2026	04 KỶ ĐẦU: 11.0%/NĂM CÁC KỶ SAU: LSTC + 5.1%/NĂM (TỐI THIỂU 11.0%/NĂM, TỐI ĐA 12.0%/NĂM)	2
CT TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOME CREDIT VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	600	HCVL12605	RIÊNG LẺ	21/08/2026	9.8%/NĂM	2
NHTMCP QUÂN ĐỘI	NGÂN HÀNG	500	MBBL12623	RIÊNG LẺ	19/08/2026	BQLSTKCN 12T VNĐ (VCB, BIDV, CTG, AGRIBANK) + 3.1%/NĂM; TRƯỜNG HỢP KHÔNG MUA LẠI: + 4.0%/NĂM (TỪ NĂM THỨ 06)	6
CT TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOME CREDIT VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	200	HCVL12606	RIÊNG LẺ	24/08/2026	9.8%/NĂM	2

TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH TRONG THÁNG 8/2026

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	NGÀNH	GTPH (tỷ đồng)	MÃ TP	PHƯƠNG THỨC PH	NGÀY PHÁT HÀNH	LÃI SUẤT	KỶ HẠN (năm)
NHTMCP QUỐC TẾ VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	3300	VIBL12604	RIỀNG LẺ	21/08/2026	9.0%/NĂM	3
NHTMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	315	BIDL12617	RIỀNG LẺ	17/08/2026	BQLSTKCN 24T VNĐ (AGRIBANK, CTG, VCB, BIDV) + 2.2%/NĂM; TRƯỜNG HỢP KHÔNG MUA LẠI: + 7.2%/NĂM (TỪ KỶ THỨ 06)	6
NHTMCP QUỐC TẾ VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	1000	VIBL12603	RIỀNG LẺ	17/08/2026	9.0%/NĂM	3
NHTMCP Á CHÂU	NGÂN HÀNG	750	ACB12603	RIỀNG LẺ	17/08/2026	8.0%/NĂM	5
NHTMCP ĐẠI CHÚNG VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	500	PCBL12602	RIỀNG LẺ	17/08/2026	BQLSTKCN 12T VNĐ (CTG, BIDV, VCB, AGRIBANK) + 3.7%/NĂM	7
NHTMCP PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	NGÂN HÀNG	2000	HDBL12611	RIỀNG LẺ	20/08/2026	9.0%/NĂM	3
NHTMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI	NGÂN HÀNG	3000	SHB7Y202601	CÔNG CHÚNG	18/08/2026	BQLSTKCN 12T VNĐ (BIDV, VCB, CTG, AGRIBANK) + 3,3%/NĂM	7
CT TNHH Chứng khoán ACB	CHỨNG KHOÁN	200	ACBS-1.1	CÔNG CHÚNG	25/08/2026	LSTC + 2.3%	1
CT TNHH Chứng khoán ACB	CHỨNG KHOÁN	100	ACBS-2.1	CÔNG CHÚNG	25/08/2026	LSTC + 2.5%	2
CT TNHH Chứng khoán ACB	CHỨNG KHOÁN	300	ACBS-3.1	CÔNG CHÚNG	25/08/2026	LSTC + 2.7%	3
CTCP CHỨNG KHOÁN KỸ THUẬT	CHỨNG KHOÁN	1000	TCXPO2629002	CÔNG CHÚNG	25/08/2026	KỶ ĐẦU: 8,0%/NĂM CÁC KỶ SAU: BQLSTKCN 12T VNĐ (VCB, BIDV, CTG, AGRIBANK) + 2,7%/NĂM	3
NHTMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	500	BIDL12619	RIỀNG LẺ	27/08/2026	8%/NĂM	20

TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH TRONG THÁNG 8/2026

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	NGÀNH	GTPH (tỷ đồng)	MÃ TP	PHƯƠNG THỨC PH	NGÀY PHÁT HÀNH	LÃI SUẤT	KỶ HẠN (năm)
CTCP CHỨNG KHOÁN LPBANK	CHỨNG KHOÁN	600	LPSL12601	RIÊNG LẺ	27/08/2026	10.5%/NĂM	1
NHTMCP QUÂN ĐỘI	NGÂN HÀNG	1000	MBBL12627	RIÊNG LẺ	27/08/2026	9%/NĂM	6
NHTMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	1000	VCBL12610	RIÊNG LẺ	25/08/2026	8%/NĂM	4
NHTMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	200	VCBL12609	RIÊNG LẺ	25/08/2026	8%/NĂM	5
TỔNG CT PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ KINH BẮC - CTCP	BẤT ĐỘNG SẢN	700	KBCL12601	RIÊNG LẺ	20/08/2026	02 KỶ ĐẦU: 12.0%/NĂM CÁC KỶ SAU: LSTC + 4.2%/NĂM (TỐI THIỂU 11.0%/NĂM)	3
NHTMCP TIỀN PHONG	NGÂN HÀNG	500	TPBL12609	RIÊNG LẺ	24/08/2026	BQLSTKCN 12T VNĐ (BIDV, VCB, CTG, AGRIBANK) + 3.8%/NĂM	10
NHTMCP TIỀN PHONG	NGÂN HÀNG	2000	TPBL12608	RIÊNG LẺ	24/08/2026	9.1%/NĂM	3
NHTMCP QUÂN ĐỘI	NGÂN HÀNG	800	MBBL12624	RIÊNG LẺ	26/08/2026	8.5%/NĂM	5
NHTMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	100	BIDL12618	RIÊNG LẺ	21/08/2026	BQLSTKCN 24T VNĐ (AGRIBANK, CTG, VCB, BIDV) + 2.2%/NĂM; TRƯỜNG HỢP KHÔNG MUA LẠI: + 7.2%/NĂM (TỪ KỶ THỨ 06)	6

10 MÃ TRÁI PHIẾU CÓ GTGD OUTRIGHT LỚN NHẤT TRONG THÁNG

STT	Tổ chức phát hành	Mã trái phiếu	GTGD (Tỷ đồng)	Kỳ hạn gốc (Năm)	Kỳ hạn còn lại (Năm)	Vùng lợi suất giao dịch (%/năm)
1	KBNN	TD1747410	28,390	30	20.51	4.5297 - 4.5482
2	KBNN	TD2434026	20,718	10	8.05	3.05 - 4.3733
3	KBNN	TD2151043	16,767	30	24.96	4.4362 - 4.87
4	KBNN	TD2434024	12,819	10	7.86	2.7241 - 3.17
5	KBNN	TD2631008	11,969	5	4.37	4.0265 - 4.128
6	KBNN	TD2353151	10,228	30	26.53	3.8 - 4.6063
7	KBNN	TD2131012	9,552	10	4.35	3.0299 - 4.5917
8	KBNN	TD2030135	7,354	10	4.27	4.0984 - 4.262
9	KBNN	TD2151042	6,726	30	24.35	4.4356 - 4.87
10	KBNN	TD2636023	6,150	10	9.62	3.9937 - 4.25

LỊCH THANH TOÁN TPCP THÁNG 9 - 2026

STT	Mã trái phiếu	Kỳ hạn (Năm)	Mệnh giá (tỷ)	Ngày phát hành	Ngày thanh toán	Lãi suất (%)	Tiền lãi thanh toán (tỷ)	Tiền gốc thanh toán (tỷ)	Tổng lãi và gốc (tỷ)
1	TD2631010	30	4,637	6/9/2016	6/9/2026	8	371	0	371
2	TD2555052	30	7,491	15/9/2016	15/9/2026	7.9	592	0	592
3	TD2540037	15	4,160	15/9/2016	15/9/2026	7.4	308	0	308
4	TD2439031	15	7,400	8/9/2018	8/9/2026	4.8	355	0	355
5	TD2434026	15	7,925	13/9/2018	13/9/2026	4.9	388	0	388
6	TD2333121	10	7,895	20/9/2018	20/9/2026	4.7	371	0	371
7	TD2330107	10	13,212	5/9/2019	5/9/2026	4.7	621	0	621
8	TD2136029	30	3,624	26/9/2019	26/9/2026	5.2	188	0	188
9	TD2131018	7	1,440	26/9/2019	26/9/2026	3.5	50	1440	1490
10	TD2128008	20	12,800	1/9/2020	1/9/2026	3.6	461	0	461
11	TD2040031	15	13,197	1/9/2020	1/9/2026	3.2	422	0	422
12	TD2035024	10	12,229	1/9/2020	1/9/2026	3.1	379	0	379
13	TD2035021	15	13,707	7/9/2020	7/9/2026	3	411	0	411
14	TD2030015	10	13,616	7/9/2020	7/9/2026	2.8	381	0	381
15	TD2030011	15	18,016	9/9/2021	9/9/2026	2.2	396	0	396

LỊCH THANH TOÁN TPCP THÁNG 9 - 2026

STT	Mã trái phiếu	Kỳ hạn (Năm)	Mệnh giá (tỷ)	Ngày phát hành	Ngày thanh toán	Lãi suất (%)	Tiền lãi thanh toán (tỷ)	Tiền gốc thanh toán (tỷ)	Tổng lãi và gốc (tỷ)
16	TD1949206	7	1,250	9/9/2021	9/9/2026	1.1	14	0	14
17	TD1929177	10	19,105	30/9/2021	30/9/2026	2.1	401	0	401
18	TD1926171	7	950	2/9/2023	2/9/2026	3.8	36	0	36
19	TD1833127	10	20,750	14/9/2023	14/9/2026	2.3	477	0	477
20	TD1833126	15	17,608	5/9/2024	5/9/2026	2.7	475	0	475
21	TD1828118	10	24,739	26/9/2024	26/9/2026	2.6	643	0	643
22	TD1646495	30	3,093	1/9/2025	1/9/2026	3.2	99	0	99
23	TD1646469	15	12,230	1/9/2025	1/9/2026	2.9	355	0	355
24	TD1631465	5	22,757	7/9/2026	7/9/2026	4.1	933	0	933



INTERBANK OFFSITE 2026

SPONSORS FOR INTERBANK OFFSITE 2026

DIAMOND SPONSOR
NHÀ TÀI TRỢ KIM CƯƠNG



PLATINUM SPONSOR
NHÀ TÀI TRỢ BẠCH KIM



GOLD SPONSOR
NHÀ TÀI TRỢ VÀNG



Cám ơn quý vị đã đọc Báo cáo thị trường trái phiếu của VBMA. Nếu quý vị cần biết thêm thông tin chi tiết, xin vui lòng liên hệ:

HIỆP HỘI THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU VIỆT NAM

Tầng 17, Gelex Tower, Số 52 Phố Lê Đại Hành, Hà Nội

Điện thoại: (84) 24 3974 8781

Fax: (84) 4 3974 8782

Website: <https://vbma.org.vn/>

QUYỀN MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Những thông tin và quan điểm được trình bày trong Báo cáo này là kết quả của hoạt động nghiên cứu của Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA). VBMA không cam kết hay đảm bảo về tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này. VBMA không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất, thua lỗ nào phát sinh do sử dụng báo cáo này và các thông tin trong đó. Báo cáo này được thực hiện đơn thuần nhằm mục đích cung cấp thông tin và người xem không được phép sao chép, phân phối hay xuất bản vì bất cứ mục đích gì.